

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

THIOUREA 99%		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)	
Số CAS: 62-56-6 Số UN: 2811 Số đăng ký EC: 200-543-5 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: THIOUREA 99%		Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP HCM Điện thoại: 0898.517.996	
- Tên thương mại: THIOUREA			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Xuất xứ: Trung Quốc			
- Mục đích sử dụng: Trong tẩy rửa, dệt nhuộm,...			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	CTHH	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
THIOUREA	62-56-6	H ₂ NCSNH ₂	99%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): Chưa có thông tin 2. Cảnh báo nguy hiểm - Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc; Chưa có thông tin - Độc cho sinh vật thủy sinh và có tác hại lâu dài trong môi trường nước; - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Chưa có thông tin. 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: Gây kích ứng mắt, đỏ mắt và tổn thương; - Đường thở: Gây dị ứng đường hô hấp, gây hen suyễn và nhạy cảm đường hô hấp; - Đường da: Gây kích ứng da và dị ứng khi tiếp xúc; - Đường tiêu hóa: Ngộ độc nếu nuốt phải. Gây cảm giác buồn nôn và nôn mửa; - Đường tiết sữa: Chưa có thông tin;			
IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ			
1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dũa vào mắt): Rửa mắt với nhiều nước ít nhất 15 phút và đồng thời mở mí trên và mí dưới. Gọi Bác sỹ ngay lập tức. Không có phép nạn nhân dụi mắt và nhắm mắt lại 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dũa vào da): Gọi bác sỹ ngay lập tức. Rửa da với nhiều nước ít nhất 15 phút. Rửa sạch và cởi bỏ quần áo và giày bị nhiễm bẩn. 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí). Gọi bác sỹ ngay lập tức. Di chuyển nạn nhân khỏi vùng nguy hiểm ngay lập tức, Nếu không thở được thì phải hô hấp nhân tạo cho nạn nhân 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Gọi bác sỹ ngay lập tức và cho uống thật nhiều nước 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có); Chưa có thông tin;			

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN	
1. Xếp loại về tính cháy Chưa có thông tin 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy; Chưa có thông tin 3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...): Chưa có thông tin 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác : Sử dụng bình chữa cháy dạng nước, CO ₂ , Hoặc bột hóa chất khô chữa cháy 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy; Trang bị đầy đủ quần áo chống cháy. 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có) : chưa có thông tin	
VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ	
1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Sử dụng máy hút bụi công nghiệp hoặc dụng cụ quét dọn để thu gom lượng hóa chất tràn đổ. Người tham gia xử lý phải trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động. 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng Như tràn đổ ở mức độ nhỏ	
VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ	
1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...) Tránh hít bụi, hơi nước, sương mù, hoặc khí. Tránh tiếp xúc với da và mắt. chỉ dùng khu vực có tủ hút hóa chất. 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...) Lưu trữ ở nơi khô, mát. Tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp. Lưu trữ ở container kín.	
VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN	
1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...) Sử dụng thông gió đầy đủ 2. Các phoong tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ; - Bảo vệ thân thể; Áo quần dài tay để chống tiếp xúc với hóa chất; - Bảo vệ tay: Găng tay cao su; - Bảo vệ chân: ủng cao su. 3. Phơng tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Như phơng tiện bảo hộ cá nhân 4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...) tắm rửa sạch sẽ khi xử lý hóa chất	
IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT	
Trạng thái vật lý: Tinh thể	Điểm sôi (°C): Chưa có thông tin
Màu sắc: Màu trắng hoặc tương đương	Điểm nóng chảy :171-175 ⁰ C
Mùi đặc trưng: Không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định : Chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy :440 ⁰ C
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : Chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: 12g/ 100g methanol ở 20 ⁰ C	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin

Độ PH		Tỷ lệ hóa hơi: Chưa có thông tin					
Khối lượng riêng (kg/m ³) 76.12		Các tính chất khác nếu có					
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT							
1. Tính ổn định (Ổn định trong điều kiện thường							
2. Khả năng phản ứng:							
- Điều kiện cần tránh: Vật liệu không tương thích, nhiệt độ trên 140 ⁰ C							
- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Các oxit nitơ, carbon monoxide, oxit lưu huỳnh, cacbon dioxide. ;							
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);							
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...): oxy hóa mạnh, axit mạnh, bazơ mạnh, acrolein, axit nitric, hydrogen peroxide.;							
- Phản ứng trùng hợp: Chưa có thông tin.							
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH							
Tên thành phần		Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử		
THIOUREA		LD5	125 mg/kg	Miệng	Thỏ		
THIOUREA		LDL	6985 mg/kg	Miệng	Thỏ		
Thành phần 3 (nếu có)							
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...) Chất gây ung thư IARC; Loại 3							
2. Các ảnh hưởng độc khác : Chưa có thông tin							
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI							
1. Độc tính với sinh vật							
Tên thành phần		Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng		Kết quả		
THIOUREA		Chưa có thông tin					
2. Tác động trong môi trường							
- Mức độ phân hủy sinh học: Chưa có thông tin							
- Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin							
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học; Chưa có thông tin							
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Chưa có thông tin							
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ							
1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Chưa có thông tin							
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải; Chưa có thông tin							
3. Biện pháp tiêu hủy: Chưa có thông tin							
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý : Chưa có thông tin							
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN							
Tên quy định		Số UN	Tên vận chuyển đơn g	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP		2811		6.1	25 kg/ ba o		

ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
IATA	TOXIC SOLID ORGANIC		6.1	III		

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

Hướng dẫn bổ sung:

- Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.
- Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
- Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”.
- Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ: một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”.
- Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương ứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể, rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định; ví dụ: thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH ...”
- Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.
- Cách ghi hàm lượng thành phần

Không bắt buộc ghi chính xác hàm lượng thành phần, chỉ cần ghi khoảng nồng độ của thành phần theo quy tắc sau:

- Từ 0.1 đến 1 phần trăm;
- Từ 0.5 đến 1,5 phần trăm;
- Từ 1 đến 5 phần trăm;
- Từ 3 đến 7 phần trăm;
- Từ 5 đến 10 phần trăm;

- e) Từ 7 đến 13 phần trăm;
- g) Từ 10 đến 30 phần trăm;
- h) Từ 15 đến 40 phần trăm;
- i) Từ 30 đến 60 phần trăm;
- k) Từ 40 đến 70 phần trăm;
- l) Từ 60 đến 100 phần trăm.

